

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09- 5 - 2025

“V/v xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy
- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Luyến và ông Đường N Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc: “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

* Bị đơn: Anh Hà Văn H2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 4, Trại giam Q; địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; anh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Hà Văn H2 trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 9 năm 2012. Sau khi kết hôn, chị và anh H2 sinh sống tại gia đình chị ở Tổ dân phố

T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2021, anh H2 bị bắt tạm giam để điều tra về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Ngày 28/4/2022, anh H2 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử và tuyên án 20 năm 09 tháng tù. Hiện anh H2 đang chấp hành án tại Phân trại 4, Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Từ ngày anh H2 đi chấp hành án, vì trách nhiệm chị vẫn lên thăm và động viên anh H2, nhưng niềm tin và tình cảm của chị với anh H2 đã hết. Mỗi lần gặp chị, anh H2 lại đề nghị gửi tiền và quà vào cho anh chị tiêu. Anh còn bảo chị phải gánh vác trả nợ số tiền anh chiếm đoạt của bị hại trong Bản án tuyên và nhiều khoản nợ khác ở bên ngoài xã hội. Bản thân chị từ ngày anh H2 đi chấp hành án, đã phải gồng gánh nuôi cả hai con, nhưng anh H2 đã không thông cảm, động viên chị mà chỉ có hành động tạo ra những áp lực và ức chế cho chị. Nay chị thực sự cảm thấy rất mệt mỏi, không thể tiếp tục chịu đựng như vậy được nữa. Chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H2 nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H2.

Về con chung: Chị và anh H2 có 02 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Hà Thành A, sinh ngày 29/12/2014; hiện cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng. Hiện tại chị và các con đang sinh sống tại nhà bố mẹ chị, chị đang buôn bán tại nhà thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H2 không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai tại trại giam, bị đơn anh Hà Văn H2 trình bày:*

Anh thừa nhận thời điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H1 trình bày. Tháng 7 năm 2021, anh bị bắt tạm giam để điều tra về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Ngày 28/4/2022, anh bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử và tuyên án 20 năm 09 tháng tù về 03 tội trên. Hiện anh đang chấp hành án tại Phân trại 4, Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang; từ ngày anh đi chấp hành án, chị H1 có nhiều lần đến thăm anh. Nay chị H1 xin ly hôn anh muốn trao đổi, bàn bạc thêm với chị H1; anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con khôn lớn.

Về con chung: Anh và chị H1 có 02 con chung như chị H1 trình bày; hiện tại 02 cháu đang ở với chị H1 tại nhà bố mẹ chị H1. Vì điều kiện anh đi chấp hành án, nên anh nhất trí để chị H1 nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung và công sức đóng góp: Anh và chị H1 không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Hà Văn H2; giao cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Hà Thành A, sinh ngày 29/12/2014 cho chị H1 nuôi dưỡng, anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 21 tháng 02 năm 2025, chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn H2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 4, Trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Hà Văn H2 có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt anh H2 theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1 với anh Hà Văn H2; Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H1 và anh H2 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2012, tại UBND xã Cao Minh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H1 và anh H2 sinh sống hạnh phúc đến năm 2021; đến tháng 7 năm 2021 anh H2 bị bắt tạm giam để điều tra về hành vi phạm tội. Ngày 28/4/2022 anh H2 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử 20 năm 09 tháng tù về 03 tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”, sau đó anh H2 đi chấp hành án. Như vậy, chị H1 và anh H2 đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, hiện tại chị H1 đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ cùng hai con, còn anh H2 đi chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Theo chị H1 trình bày quá trình anh H2 đi chấp hành án, vì trách nhiệm chị vẫn lên thăm và động viên anh, nhưng niềm tin và tình cảm của chị với anh H2 đã hết. Khi chị lên trại thăm gặp, anh H2 luôn tạo ra áp lực và làm cho chị rất mệt mỏi, nay chị xác định không còn tình cảm với anh H2 nữa, nên chị xin ly hôn. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng của anh H2 và chị H1 cũng có sự xa cách và không có cơ hội để hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Văn H2 là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị H1 và anh H2 xác nhận có 02 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Hà Thành A, sinh ngày 29/12/2014; hiện tại hai cháu đang sinh sống cùng chị H1 tại nhà bố mẹ của chị H1.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hai cháu N và A cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H1. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện tại anh H2 đang phải đi chấp hành án tại trại giam, nên không đủ điều kiện nuôi con chung và anh cũng nhất trí để cho chị H1 được nuôi 02 con chung. Vì vậy, ly hôn cần giao cho chị H1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu An và chị H1 không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, cần được chấp nhận. Anh Hà Văn H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và công sức đóng góp: Chị H1 và anh H2 xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Hà Văn H2;

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Hà Thành A, sinh ngày 29/12/2014. Anh Hà Văn H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1; nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004285 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Chị H1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND T.P Phúc Yên;
- Chi cục THA dân sự TP Phúc Yên;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy